

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS- ST

Ngày: 07- 5- 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật.

Bà Nguyễn Thị Sen.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2020/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ- DS ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Bích Ng (tên gọi khác: Hoàng Thị Ng), sinh năm 1968; Địa chỉ: Đội 3, thôn Hạ, xã LT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1982; Địa chỉ: Đội 3, thôn Hạ, xã LT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964; Địa chỉ: Cụm 3, thôn Hạ, xã LT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Anh Hoàng Công K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Cụm 3, thôn Hạ, xã LT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Hoàng Thị Ng trình bày: Gia đình bà và gia đình chị Nguyễn Thị Gi là hàng xóm với nhau. Bà biết vợ chồng chị Gi có kinh doanh cửa hàng vàng. Ngày 04/7/2011 chị Gi có hỏi vay vợ chồng bà tiền để làm ăn. Bà đã đồng ý cho chị Gi vay số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau mỗi tháng chị Gi sẽ trả bà 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Khi bà đưa tiền cho chị Gi vay là tại nhà của chị Gi, lúc đó cả nhà chị Gi đang ăn cơm có chồng chị Gi là anh Hoàng Công K và bố chồng chị Gi biết. Tiền cho vay là tiền do vợ chồng bà bán hàng tạp hóa tích góp được. Chồng bà (ông Nguyễn Văn M) cũng biết việc bà cho chị Gi vay tiền. Sau khi vay chị Gi có trả bà được hai lần. Lần thứ nhất vào ngày 06/8/2011 chị Gi trả 10 triệu đồng, lần thứ hai vào ngày 26/12/2011 chị Gi trả được 20 triệu đồng gồm 10 triệu đồng nợ gốc và 10 triệu đồng tiền lãi. Sau đó vợ chồng chị Gi bị vỡ nợ nên không trả thêm được bà thêm lần nào. Bà nhiều lần đòi nhưng chị Gi đều xin khát. Vì biết vợ chồng chị Gi vẫn khó khăn nên bà cũng đồng ý. Tuy nhiên, thời gian gần đây, theo quan sát của bà thì vợ chồng chị Gi đã có xưởng gỗ đang hoạt động và có tiền mua ô tô để đi nhưng khi bà đòi tiền thì vẫn nói là không có tiền và tiếp tục khát nợ. Bà cho rằng vợ chồng chị Gi không thiện chí trả nợ nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Gi phải trả ngay cho bà số tiền số tiền: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; nợ lãi: 100.000.000 đồng.

- Theo bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Gi trình bày: Chị Gi thừa nhận có vay bà Ng số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), khi vay tự tay chị có viết và ký vào quyển sổ của bà Ng với nội dung “Ngày 4/7/2011 cháu Gi K vay của cô Ng 210.000.000đ”. Mục đích vay tiền là để cho người khác vay lại để kiếm lời. Việc làm ăn kinh doanh cũng như cho vay tiền cả hai vợ chồng chị thống nhất cùng làm nhưng chị là người chủ yếu đứng lên vay tiền và cho vay lại. Việc chị vay tiền bà Ng chồng chị không biết. Khi vay tiền, chị và bà Ng có thống nhất với nhau bằng miệng hàng tháng chị sẽ trả bà Ng số tiền lãi là 10.000.000 đồng tính trên tổng số tiền gốc. Sau khi vay, chị đã trả được bà Ng 30 triệu tiền gốc, lần 1 vào ngày 06/8/2011 trả 10 triệu đồng, lần 2 vào ngày 26/12/2011 trả 20 triệu đồng và toàn bộ tiền lãi đến hết tết năm 2012 sau đó thì không trả được. Khi trả tiền gốc thì chị có ký sổ còn khi trả tiền lãi thì không ký sổ. Do mọi người vay tiền của chị không trả nên vợ chồng chị bị vỡ nợ, chị cũng không có tiền trả cho bà Ng nên xin khát nhiều năm nay. Thời gian gần đây, vợ chồng chị được một người bạn hỗ trợ vốn cùng làm ăn nhưng thực tế kinh tế cũng chưa có gì, chỉ đủ sinh hoạt hàng ngày cho cả gia đình nên chưa thể trả ngay nợ cho bà Ng được. Vì vậy, bà Ng khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền gốc: 200.000.000 đồng; tiền lãi: 100.000.000 đồng, chị đồng ý trả bà Ng 200.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền lãi chị đề nghị bà Ng cho chị xin. Đối với số nợ gốc chị hẹn đến cuối năm nay (2021) sẽ trả bớt 20 triệu, sau đó sẽ tùy thuộc vào việc làm ăn chị thu xếp trả tiếp sau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông là chồng bà Ng. Việc bà Ng cho chị Gi vay tiền ông có biết. Số tiền vay đúng như bà Ng đã

trình bày. Tiền cho chị Gi vay là tiền chung của vợ chồng ông tích cóp thời gian dài mới có được. Lúc vợ chồng chị Gi gặp khó khăn, chỗ tình cảm hàng xóm vợ chồng ông đã cho khất nợ. Nay anh chị đã có điều kiện thì phải trả tiền cho ông, bà. Ông M đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị Gi phải trả vợ chồng ông số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Công K: Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không đến làm việc.

Chị Gi trình bày, anh K biết việc Tòa án thông báo đến làm việc nhưng do anh K còn bận công việc nên bảo chị cứ lên làm việc, mọi việc của gia đình đều do chị đứng ra giải quyết.

Tại phiên tòa bà Ng và ông M giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Chị Gi và anh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Gi và anh K phải trả cho bà Ng và ông M 192.485.500 đồng tiền nợ gốc + 100.000.000 đồng tiền lãi = 292.485.500 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Bà Hoàng Thị Ng có đơn yêu cầu chị Hoàng Thị Gi phải trả nợ số tiền gốc đã vay và lãi suất, chị Gi cư trú tại xã LT, huyện ĐP, do đó căn cứ các quy định tại theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Giao dịch giữa bà Ng và chị Gi được xác lập từ ngày 04/7/2011, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật và kéo dài đến nay (thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực), do vậy khi xảy ra tranh chấp, Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Ng và chị Gi đều thừa nhận khi cho nhau vay tiền các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Ng có đòi nợ chị Gi đều khất nợ hẹn đến khi nào có sẽ trả. Vì vậy, căn cứ Điều 429 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 bà Ng khởi kiện là đúng thời hiệu.

[1.4] Chị Gi và anh K đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và sổ ghi nợ có chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị Gi đủ căn cứ xác định: Ngày 04/7/2011 chị Nguyễn Thị Gi có vay của bà Hoàng Thị Ng số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) để làm ăn phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Lãi suất thỏa thuận 10.000.000 đồng/tháng (tương đương 4,76%/tháng). Thời hạn vay không xác định.

[2.2]. Theo chị Gi, sau khi vay, chị đã trả được toàn bộ tiền lãi cho bà Ng kể từ khi vay cho đến tết năm 2012 và đã trả được 30.000.000 đồng nợ gốc vào các ngày 06/8/2011 và ngày 26/12/2011. Khi trả lãi hai bên không ghi sổ, khi trả gốc thì có ghi sổ.

Theo bà Ng thì sau khi vay, ngày 06/8/2011 chị Gi vay trả được bà số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Đến ngày 26/12/2011 chị Gi trả bà tiếp số tiền 20.000.000 đồng gồm 10.000.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ngoài hai lần trả với số tiền như nêu trên chị Gi không trả bà được lần nào nữa.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cả chị Gi và bà Ng đều thừa nhận khi cho nhau vay tiền chỉ thỏa thuận hàng tháng chị Gi sẽ trả lãi bà Ng 10 triệu đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc. Điều này phù hợp với việc tại sổ ghi chép do bà Ng nộp cho Tòa án thể hiện vào ngày 06/8/2011 (sau khi vay được một tháng 02 ngày) chị Gi tự tay ghi đã trả cho bà Ng 10 triệu đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định các khoản tiền chị Gi trả cho bà Ng được hiểu là trả tiền lãi. Vì vậy, chị Gi khai sau khi vay chị đã trả bà Ng tiền lãi đến Tết năm 2012 và 30 triệu tiền gốc nhưng chỉ ghi sổ việc trả tiền gốc còn trả lãi thì không ghi là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[2.3]. Tuy nhiên, do mức lãi suất các bên thỏa thuận 10 triệu/210 triệu/tháng = 4,67%/ tháng, cao hơn so với quy định của pháp luật nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị Gi, căn cứ các quy định Điều 467 Bộ luật dân sự 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”, Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ gốc và lãi như sau:

Tiền nợ gốc: Do thỏa thuận về lãi suất của hai bên tại thời điểm vay vượt quá mức 13,5%/năm nên khoản tiền lãi tính từ ngày 04/7/2011 đến ngày 06/8/2011 chị Gi đã trả cho bà Ng sẽ được tính lại = $210.000.000 \text{ đồng} \times (13,5\% : 365) \times 32 \text{ ngày} = 2.485.500 \text{ đồng}$. Chị Gi đã trả 10.000.000 đồng, do đó còn thừa 7.514.500 đồng, số tiền này sẽ được trừ vào nợ gốc. Số nợ gốc tính đến ngày 06/8/2011 còn là: 210.000.000 đồng - 7.514.500.000 đồng = 202.485.500 đồng.

Khoản tiền lãi tính từ ngày 06/8/2011 đến ngày 26/12/2011 (là 4 tháng 20 ngày) chị Gi đã trả cho bà Ng sẽ được tính lại = $202.485.500 \text{ đồng} \times (13,5\% : 365) \times 140 \text{ ngày} = 10.484.800 \text{ đồng}$.

Ngày 26/12/2011 chị Gi đã trả bà Ng 20 triệu đồng. Tuy nhiên, do bà Ng tự nguyện thừa nhận trong đó 10 triệu trả tiền lãi, 10 triệu trả tiền gốc. Sự tự nguyện của bà Ng có lợi cho chị Gi nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi chị Gi còn phải trả bà Ng tính đến ngày 26/12/2011 còn thiếu 484.800 đồng. Số nợ gốc tính đến ngày 26/12/2011 còn là: $202.485.500 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 192.485.500 \text{ đồng}$.

+ Tiền nợ lãi: Số tiền lãi chị Gi phải trả bà Ng tính từ ngày 27/12/2011 đến ngày xét xử (07/5/2021) được tính như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 27/12/2011 đến ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực) là 5 năm 5 ngày = $13,5\% / \text{năm} \times 5 \times 192.485.500 \text{ đồng} + (13,5\% : 365) \times 5 \times 192.485.500 \text{ đồng} = 130.283.600 \text{ đồng}$.

Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 07/5/2021 là 4 năm 4 tháng 6 ngày = $20\% / \text{năm} \times 4 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} \times 192.485.500 \text{ đồng} = 167.453.500 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền lãi phải trả = $167.453.500 + 130.283.600 + 484.800 = 298.221.900 \text{ đồng}$. Do bà Ng chỉ yêu cầu chị Gi phải trả tiền lãi tính từ ngày 26/12/2011 đến ngày xét xử là 100.000.000 đồng, thấp hơn số tiền lãi lẽ ra phải trả, sự tự nguyện của bà Ng phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà Ng.

[2.4]. Về nghĩa vụ trả nợ: Xét thấy, mặc dù anh Hoàng Công K chồng của chị Gi không trực tiếp ký nhận nợ với bà Ng nhưng khoản nợ chị Gi vay bà Ng nhằm mục đích sử dụng để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị Gi cũng thừa nhận việc vay mượn vợ chồng thống nhất làm nhưng chị là người đứng lên đi vay, do vậy cả anh K và chị Gi phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ng và ông M. Tổng số tiền chị Gi và anh K phải trả cho bà Ng và ông M là $192.485.500 \text{ đồng tiền nợ gốc} + 100.000.000 \text{ đồng tiền lãi} = 292.485.500 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Gi và anh Hoàng Công K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $292.485.500 \times 5\% = 14.624.000 \text{ đồng}$.

Bà Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 351, Điều 400, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Bích Ng đối với chị Nguyễn Thị Gi.

Buộc chị Nguyễn Thị Gi và anh Hoàng Công K có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Bích Ng và ông Nguyễn Văn M tổng số tiền là 292.485.500 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) trong đó tiền gốc là 192.485.500 đồng, tiền lãi là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Gi, anh Hoàng Công K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.624.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng)

- Hoàn trả bà Hoàng Bích Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000đ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014719 ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Bích Ng và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Gi và anh Hoàng Công K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hà